

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018



CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8
Bản Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	9 - 36

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Simco Sông Đà (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Simco Sông Đà (dưới đây được gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương mại Sông Đà, được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Cung ứng nhân lực Quốc tế và Thương mại Sông Đà thuộc Tổng Công ty Sông Đà theo quyết định số 627/QĐ-BXD ngày 09/05/2003 của Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101401706 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21 tháng 07 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 26 tháng 05 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm tài chính và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Sĩ Hiền	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Thiện Mỹ	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Quyền	Thành viên
Ông Đỗ Hoàng Hải	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hồng Ngọc	Thành viên

Ban Kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Hương	Trưởng ban kiểm soát
Ông Vũ Tuyên Hoàng	Thành viên
Bà Vũ Thị Hương Quỳnh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Ngọc Quyền	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Minh Thu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Thạch	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thiện Mỹ	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Ngọc Quyền	Tổng Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính riêng

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng để phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính riêng

Ban Tổng giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính riêng đính kèm. Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Ông NGUYỄN NGỌC QUYỀN

Tổng Giám đốc

TP. Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2019



Số: 018/2019/BCKT-HT.00019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Simco Sông Đà

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Simco Sông Đà (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 03 năm 2019, từ trang 5 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty cổ phần Simco Sông Đà tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



NGUYỄN TRUNG THÀNH

Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
1673-2018-009-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
CHI NHÁNH HÀ THÀNH**

Thành phố Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2019

NGUYỄN ĐĂNG SỸ

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
3725-2016-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		77.868.516.420	63.906.941.123
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	2.535.748.315	800.475.607
1. Tiền	111		2.535.748.315	800.475.607
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2a	5.600.000.000	350.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		5.600.000.000	350.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		68.831.203.868	62.215.663.980
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	20.560.947.749	19.184.752.443
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	2.255.650.616	2.255.650.616
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	5.328.330.196	5.328.330.196
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	54.416.254.742	44.370.010.160
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(13.729.979.435)	(8.923.079.435)
IV. Hàng tồn kho	140	5.8	80.827.405	91.940.108
1. Hàng tồn kho	141		166.553.755	177.666.458
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(85.726.350)	(85.726.350)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		820.736.832	448.861.428
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.12a	70.139.738	44.681.752
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		750.597.094	404.179.676
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		290.996.904.508	317.851.526.399
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.764.123.000	7.014.123.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	1.764.123.000	7.014.123.000
II. Tài sản cố định	220		35.849.938.544	36.577.104.655
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	35.849.938.544	36.577.104.655
- Nguyên giá	222		56.851.727.489	55.858.378.392
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.001.788.945)	(19.281.273.737)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	-	-
- Nguyên giá	228		244.160.000	244.160.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(244.160.000)	(244.160.000)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.12	4.131.165.820	3.586.597.275
- Nguyên giá	231		5.321.664.830	4.456.156.362
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.190.499.010)	(869.559.087)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.9	78.216.133.092	78.216.133.092
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		75.902.112.441	75.902.112.441
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.314.020.651	2.314.020.651
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2b	170.226.448.193	191.641.426.689
1. Đầu tư vào công ty con	251		248.762.011.818	248.762.011.818
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		26.870.000.000	26.870.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		17.400.000.000	17.742.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(122.805.563.625)	(101.732.585.129)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		809.095.859	816.141.688
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.13b	809.095.859	816.141.688
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		368.865.420.928	381.758.467.522

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG(tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		105.846.709.197	105.724.661.526
I. Nợ ngắn hạn	310		36.541.559.901	39.784.750.186
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	8.929.580.870	9.289.574.833
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	110.832.166	110.832.166
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	17.962.205	80.872.885
4. Phải trả người lao động	314		1.925.090.668	1.245.397.534
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	223.599.269	1.151.681.961
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.19a	457.857.349	360.853.349
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18a	22.382.370.502	22.350.273.486
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.20	2.493.660.300	5.194.657.400
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		606.572	606.572
II. Nợ dài hạn	330		69.305.149.296	65.939.911.340
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.19b	4.081.081.000	3.289.069.000
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.18b	65.224.068.296	62.650.842.340
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		263.018.711.731	276.033.805.996
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.21	263.018.711.731	276.033.805.996
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		262.061.580.000	262.061.580.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		262.061.580.000	262.061.580.000
5. Cổ phiếu quỹ	415		(1.682.000)	(1.682.000)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.231.903.807	1.231.903.807
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(273.090.076)	12.742.004.189
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		12.553.368.999	12.006.012.861
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(12.826.459.075)	735.991.328
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		368.865.420.928	381.758.467.522

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



MAI THÙY LINH

PHẠM THỊ HIẾU

NGUYỄN NGỌC QUYÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	42.380.069.578	37.705.662.125
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	159.182.772	166.101.736
3 Doanh thu thuần về bán hàng hoá và cung	10		42.220.886.806	37.539.560.389
4 Giá vốn hàng bán	11	6.3	27.121.320.521	23.486.564.401
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp	20		15.099.566.285	14.052.995.988
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	589.849.266	1.303.284.401
7 Chi phí tài chính	22	6.5	14.440.258.079	3.733.761.480
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		204.128.198	353.109.512
9 Chi phí bán hàng	25		-	-
10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	14.056.205.929	10.721.069.399
11 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(12.807.048.457)	901.449.510
12 Thu nhập khác	31	6.7	9.692.769	2.389.964
13 Chi phí khác	32	6.8	21.837.379	47.199.659
14 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(12.144.610)	(44.809.695)
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(12.819.193.067)	856.639.815
16 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	7.266.008	120.648.487
17 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18 Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		(12.826.459.075)	735.991.328

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



MAI THÙY LINH

PHẠM THỊ HIẾU

NGUYỄN NGỌC QUYỀN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(theo phương pháp trực tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		41.329.782.003	48.597.304.620
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(15.938.159.029)	(10.379.568.888)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(11.061.650.111)	(16.637.288.341)
Tiền lãi vay đã trả	04		(202.962.083)	(343.329.476)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(224.720.040)	(200.000.000)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		36.478.855.333	37.460.334.061
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(41.254.071.209)	(47.115.282.557)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		9.127.074.864	11.382.169.419
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		-	20.000.000
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(5.600.000.000)	(322.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24		350.000.000	2.546.025.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(16.940.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		83.193.845	4.208.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		434.809.717	1.212.461.642
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.731.996.438)	(9.275.513.358)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		6.445.780.700	8.985.573.700
Tiền trả nợ gốc vay	34		(9.147.271.100)	(11.865.186.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.701.490.400)	(2.879.613.100)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50		1.693.588.026	(772.957.039)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60		800.475.607	1.587.456.950
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		41.684.682	(14.024.304)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70		2.535.748.315	800.475.607

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2019

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

MAI THÙY LINH

PHẠM THỊ HIẾU



NGUYỄN NGỌC QUYỀN

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Simco Sông Đà (dưới đây được gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương mại Sông Đà, được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Cung ứng nhân lực Quốc tế và Thương mại Sông Đà thuộc Tổng Công ty Sông Đà theo quyết định số 627/QĐ-BXD ngày 09/05/2003 của Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101401706 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21 tháng 07 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 26 tháng 05 năm 2016.

Vốn điều lệ của Công ty là: **262.061.580.000 đồng** (Bằng chữ: Hai trăm sáu mươi hai tỷ, không trăm sáu mươi một triệu, năm trăm tám mươi nghìn đồng). Tổng số cổ phần là 26.206.158 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Công ty đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là SDA.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty trong năm, bao gồm:

- Cung ứng và quản lý nguồn lao động;
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

1.4 Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc công ty

Công ty có trụ sở tại: Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Và các chi nhánh sau:

Tên Chi nhánh

Ban Quản lý dự án Hà Tĩnh

Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật - Công nghệ Kinh tế
SIMCO Sông Đà

Địa chỉ

Số nhà 16, đường Nguyễn Hằng Chi, P.
Trần Phú, TP. Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

Xã Bình Minh, huyện Thanh Oai, TP. Hà Nội

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có 02 công ty con sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ	Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Hạ tầng SIMCO Sông Đà	Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Hà Nội	100%	100%	98%
Công ty cổ phần hữu hạn Myanmar Simco Sông Đà	Quận Kamayut, khu Yangon, Myanmar	100%	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có 02 công ty liên kết sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ góp vốn của Công ty mẹ	Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty CP Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà	Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	35,83%	35,83%	35,83%
Công ty CP Rượu Việt Nam Thụy Điển	Huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội	42,80%	42,80%	42,80%

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành.

1.7 Số lượng nhân viên

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, tổng số nhân viên của Công ty là 111 người (vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 178 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND").

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/5/2015, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 31/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/5/2015, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 31/03/2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của văn phòng Công ty và chi nhánh. Các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

a. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

b. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán. Tùy theo từng hợp đồng, các khoản cho vay theo khế ước có thể được thu hồi một lần tại thời điểm đáo hạn hoặc thu hồi dần từng kỳ.

Đối với các khoản cho vay, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản cho vay có thể không thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi của khoản cho vay.

c. Đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

d. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

e. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4.7 Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 35 năm
▪ Máy móc, thiết bị	05 – 10 năm
▪ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08 năm
▪ Thiết bị quản lý	03 năm
▪ Tài sản cố định khác	08 năm

4.9 Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính được ghi nhận theo giá mua mà phần mềm máy tính này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan, được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

4.10 Bất động sản đầu tư

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến của Ban Tổng Giám đốc.

Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản nắm giữ để cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	35 năm
--------------------------	--------

4.11 Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm.

4.12 Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC") là thỏa thuận của hai hay nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. BCC có thể được thực hiện dưới hình thức cùng nhau xây dựng tài sản hoặc hợp tác trong một số hoạt động kinh doanh. Các bên tham gia trong BCC có thể thỏa thuận chia doanh thu, chia sản phẩm hoặc chia lợi nhuận sau thuế.

Công ty tham gia BCC theo thỏa thuận chia lợi nhuận phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của BCC.

Nguyên tắc phân chia doanh thu, chi phí, sản phẩm của BCC

- Sau khi thực hiện các nghĩa vụ thuế và tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty được thành lập từ hợp đồng hợp tác kinh doanh sẽ dùng một tỷ lệ xác định trong lợi nhuận ròng để trích lập các quỹ theo quyết định của các bên;
- Tương ứng với tỷ lệ vốn góp của các bên, lợi nhuận còn lại sẽ được phân chia cho các bên theo tỷ lệ góp vốn, đồng thời các bên chịu mọi rủi ro của Công ty trong quá trình kinh doanh theo tỷ lệ góp vốn của mỗi bên;
- Việc lập các quỹ, phân chia lợi nhuận chỉ được thực hiện khi Công ty được thành lập từ hợp đồng hợp tác kinh doanh có lãi và việc xác định kết quả kinh doanh được tính theo năm tài chính của Công ty đó.

4.13 Các khoản nợ phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc. Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Khi lập Báo cáo tài chính riêng, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

4.14 Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản tiền vay được phản ánh theo giá gốc, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn của từng khoản vay. Các khoản vay có thời hạn trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay dài hạn. Các khoản vay có thời hạn trả nợ trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay ngắn hạn.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính trong năm là lãi tiền gửi và cổ tức được chia từ hoạt động đầu tư.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

4.20 Giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của dịch vụ cung cấp trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

4.21 Chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản chi phí tài chính không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

4.22 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm.

thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4.15 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản chi phí phải trả phải sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

4.16 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản. Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

4.17 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông theo mệnh giá.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

4.18 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông quyết định và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.19 Doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm.***4.23 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Hiện tại, Công ty đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

4.14 Báo cáo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.15 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt tồn quỹ	561.818.509	156.270.769
Tiền gửi ngân hàng	1.973.929.806	644.204.838
Cộng	2.535.748.315	800.475.607

5.2 Các khoản đầu tư tài chính**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư ngắn hạn	5.600.000.000	5.600.000.000	350.000.000	350.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	5.600.000.000	5.600.000.000	350.000.000	350.000.000
Cộng	5.600.000.000	5.600.000.000	350.000.000	350.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm.***b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối năm					Số đầu năm				
	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
			VND	VND	VND			VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty con			248.762.011.818	(92.258.823.939)				248.762.011.818	(70.726.973.407)	
Công ty cổ phần hữu hạn Myanmar-SIMCO Sông Đà (i)	100%	100%	101.762.011.818	(86.330.121.624)	(*)	100%	100%	101.762.011.818	(70.663.896.051)	(*)
Công ty cổ phần Hạ tầng SIMCO Sông Đà	98%	98%	147.000.000.000	(5.928.702.315)	(*)	98%	98%	147.000.000.000	(63.077.356)	(*)
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			26.870.000.000	(26.246.739.686)				26.870.000.000	(26.363.611.722)	
Công ty CP Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà	35,83%	35,83%	2.900.000.000	(2.276.739.686)	(*)	35,83%	35,83%	2.900.000.000	(2.393.611.722)	(*)
Công ty cổ phần rượu Việt Nam - Thụy Điển	42,8%	42,8%	23.970.000.000	(23.970.000.000)	(*)	42,8%	42,8%	23.970.000.000	(23.970.000.000)	(*)
Đầu tư vào đơn vị khác			17.400.000.000	(4.300.000.000)				17.742.000.000	(4.642.000.000)	
Công ty cổ phần Cao su Phú Riềng – Kratie	-	-	3.300.000.000	(3.300.000.000)	(*)	-	-	3.300.000.000	(3.300.000.000)	(*)
Công ty CP Đầu Tư Vĩnh Sơn	1,10%	1,10%	2.100.000.000	-	(*)	1,10%	1,10%	2.100.000.000	-	(*)
Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển khu Kinh tế Hải Hà	0,02%	0,02%	1.000.000.000	(1.000.000.000)	(*)	0,02%	0,02%	1.100.000.000	(1.100.000.000)	(*)
Công ty CP ĐT Phát triển Đô thị & KCN Sông Đà Miền Trung	-	-	-	-		0,54%	0,54%	242.000.000	(242.000.000)	(*)
Công ty cổ phần khoáng sản SIMCO - FANSIPAN	21,31%	18,33%	11.000.000.000	-	(*)	21,31%	18,33%	11.000.000.000	-	(*)
Tổng cộng			293.032.011.818	(122.805.563.625)	-			293.374.011.818	(101.732.585.129)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm.

- (*) Tại ngày lập báo cáo tài chính năm, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư trên để thuyết minh trong báo cáo tài chính, bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.
- (i) Thông tin về khoản đầu tư vào Công ty CP hữu hạn Myanmar-SIMCO Sông Đà (là công ty con):
- Khoản đầu tư theo giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 335/BKHĐT-ĐTRNN- ĐC2 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 02 tháng 03 năm 2015 cho phép Công ty CP Simco Sông Đà thành lập Công ty cổ phần hữu hạn Myanmar - SIMCO Sông Đà hoạt động tại Myanmar.
 - Tổng vốn đầu tư của dự án tại nước ngoài, đồng thời là vốn đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư Việt Nam là 18.147.000 Đô la Mỹ, tương đương 381.087.000.000 đồng. Trong đó:
 - +> Vốn đầu tư bằng nguồn tự có của nhà đầu tư là 6.000.000 Đô la Mỹ, tương đương 126.000.000.000 đồng.
 - +> Vốn đầu tư bằng nguồn vốn vay là 12.147.000 Đô la Mỹ, tương đương 225.087.000.000 đồng.
 - Tại ngày 31/12/2018, Công ty đã đầu tư 101.762.011.818 đồng, trong đó:
 - +> Phần vốn góp của Công ty là 53.354.729.885 đồng;
 - +> Phần vốn góp nhận ủy thác đầu tư là 48.407.281.933 đồng.
 Số vốn còn phải đầu tư là 279.324.988.182 đồng.
 - Ngày 25 tháng 04 năm 2017, Công ty CP Simco Sông Đà đã ủy quyền cho Công ty CP Xuất nhập khẩu Việt Trang (Viettranimex) tiếp nhận toàn bộ kế hoạch và triển khai tiếp Dự án khai thác mỏ đá Marble tại Myanmar. Công ty CP Xuất nhập khẩu Việt Trang sẽ tiếp nhận toàn bộ tài sản, trang thiết bị, cơ sở vật chất, sổ sách tài liệu nguyên trạng mỏ đá, số lượng đá đã khai thác và có trách nhiệm quản lý vận hành và hoạt động sản xuất - kinh doanh đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Phải thu các bên liên quan		
Công ty cổ phần Tự động hóa và CNTT Sông Đà	376.330.346	258.674.388
Công ty cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển	1.976.354.222	1.976.354.222
Phải thu của các tổ chức và cá nhân khác		
Lê Tuấn Việt	16.023.000.000	16.023.000.000
Nguyễn Lê Hà	-	116.250.000
Công ty cổ phần May Xuất khẩu Sông Đà	310.000.000	310.000.000
Công ty Cổ phần Sao Thái Dương	618.482.556	113.281.368
Các khách hàng khác	1.256.780.625	387.192.465
Cộng	20.560.947.749	19.184.752.443

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty CP XD nhà ở Hải Phòng	1.149.566.562	1.149.566.562
Công ty CP Thiết bị Công trình Hoàng Anh	560.000.000	560.000.000
Các tổ chức, cá nhân khác	546.084.054	546.084.054
Cộng	2.255.650.616	2.255.650.616

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm.

5.5 Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn**Ngắn hạn**

Công ty cổ phần rượu Việt Nam - Thụy Điển

Công ty cổ phần Hạ tầng Simco Sông Đà

Cộng

Số đầu năm		Số đầu năm	
Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
5.006.330.196	(5.006.330.196)	5.006.330.196	(5.006.330.196)
322.000.000	-	322.000.000	-
5.328.330.196	(5.006.330.196)	5.328.330.196	(5.006.330.196)

5.6 Các khoản phải thu khác**Ngắn hạn**

Tạm ứng

Chi hộ tiền vé máy bay

Phải thu Mysico

Lỗ hợp tác kinh doanh của các bên góp vốn liên doanh

+ Công ty CP Đầu tư HaFa

+ Công ty CP Phát triển nhân lực Simco Sông Đà

+ Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Hoàng Liên Sơn

+ Công ty Cổ phần Xuất nhập Khẩu Việt Trang

+ Cán bộ công nhân viên

Phải thu khác

+ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bắc Hà

+ Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Tona

+ Công ty CP Hạ tầng Simco Sông Đà

+ Công ty CP Khoáng sản Simco Fansipan

+ Đối tượng khác

Cộng**Dài hạn**

Ký quỹ, ký cược dài hạn

Cộng

Số đầu năm		Số đầu năm	
Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
4.053.503.850	-	4.222.295.402	-
1.951.569.937	-	-	-
468.176.029	-	406.963.130	-
44.986.838.079	-	37.875.862.072	-
+ Công ty CP Đầu tư HaFa	-	98.705.566	-
+ Công ty CP Phát triển nhân lực Simco Sông Đà	-	85.746.202	-
+ Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Hoàng Liên Sơn	-	75.039.422	-
+ Công ty Cổ phần Xuất nhập Khẩu Việt Trang	-	13.986.349.125	-
+ Cán bộ công nhân viên	-	17.978.727.323	-
5.750.000.000	-	5.750.000.000	-
Phải thu khác	-	1.864.889.556	(960.746.452)
+ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bắc Hà	(960.746.452)	550.000.000	(550.000.000)
+ Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Tona	(550.000.000)	500.000.000	-
+ Công ty CP Hạ tầng Simco Sông Đà	-	15.000.000	-
+ Công ty CP Khoáng sản Simco Fansipan	-	15.000.000	-
+ Đối tượng khác	-	15.000.000	-
1.876.166.847	(410.746.452)	784.889.556	(410.746.452)
54.416.254.742	(960.746.452)	44.370.010.160	(960.746.452)
1.764.123.000	-	1.764.123.000	-
1.764.123.000	-	1.764.123.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm.***5.7 Nợ xấu**

	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Thời gian quá hạn VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Thời gian quá hạn VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy Điển	> 3 năm	6.982.684.418	-	(6.982.684.418)	> 3 năm	6.982.684.418	-	(6.982.684.418)
- Phải thu cho vay	> 3 năm	5.006.330.196	-	(5.006.330.196)	> 3 năm	5.006.330.196	-	(5.006.330.196)
- Phải thu khác	> 3 năm	1.976.354.222	-	(1.976.354.222)	> 3 năm	1.976.354.222	-	(1.976.354.222)
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bắc Hà	> 3 năm	550.000.000	-	(550.000.000)	> 3 năm	550.000.000	-	(550.000.000)
Công ty CP Hoàng Anh	> 3 năm	560.000.000	-	(560.000.000)	> 3 năm	560.000.000	-	(560.000.000)
Ông Lê Tuấn Việt	Từ 6 tháng đến 1 năm	16.023.000.000	11.216.100.000	(4.806.900.000)		16.023.000.000	16.023.000.000	-
Các khoản phải thu khác	> 3 năm	830.395.017	-	(830.395.017)	> 3 năm	830.395.017	-	(830.395.017)
Tổng cộng		24.946.079.435	11.216.100.000	(13.729.979.435)		24.946.079.435	16.023.000.000	(8.923.079.435)

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm.***5.8 Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	24.817.698	-	35.918.401	-
Công cụ, dụng cụ	8.113.343	-	8.125.343	-
Chi phí SXKD dở dang	133.622.714	(85.726.350)	133.622.714	(85.726.350)
Cộng	166.553.755	(85.726.350)	177.666.458	(85.726.350)

5.9 Tài sản dở dang dài hạn**a) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Dự án tòa nhà Simco Tower	75.902.112.441	75.902.112.441	75.902.112.441	75.902.112.441
Cộng	75.902.112.441	75.902.112.441	75.902.112.441	75.902.112.441

Dự án tòa nhà Simco Tower được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt chủ trương triển khai tại khu nhà hỗn hợp HH - Khu đô thị mới Cầu Bươu - Thanh Trì - Hà Nội có tổng mức đầu tư là 351.780.000.000 đồng căn cứ Quyết định số 278/2011/HĐQT ngày 08/02/2011 của Hội đồng quản trị với phương án thi công 12 tầng và 01 tầng hầm và có kết cấu móng nhà được tính cho công trình 21 tầng. Tại thời điểm 31/12/2018 giá trị dở dang là chi phí mua đất và các chi phí liên quan đến việc mua đất. Công ty đang xây dựng phương án triển khai và điều chỉnh quy hoạch. Dự án sẽ được triển khai thực hiện sau khi được phê duyệt phương án điều chỉnh và Công ty thu xếp được vốn đầu tư.

b) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Dự án Đầu tư xây dựng Khu CN Phụng Hiệp	2.314.020.651	2.314.020.651
Cộng	2.314.020.651	2.314.020.651

Dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Phụng Hiệp có tổng mức đầu tư dự kiến là 3.088,2 tỷ đồng và được thi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật trong vòng 24 tháng kể từ Quý III/2018 đến Quý III/2020. Việc thi công xây dựng dự án sẽ được thực hiện sau khi Công ty làm việc với UBND Thành phố Hà Nội, Sở quy hoạch Kiến trúc Hà Nội, Viện quy hoạch Hà Nội về việc cập nhật quy hoạch vùng và quy hoạch chung của huyện Thường Tín để điều chỉnh quy hoạch chi tiết 1/500 Khu công nghiệp và đền bù, hỗ trợ, di dời giải phóng mặt bằng...

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm.

5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	52.811.604.478	1.459.885.727	1.057.323.636	223.738.551	305.826.000	55.858.378.392
Tăng trong năm	1.858.857.565	-	-	-	-	1.858.857.565
Chuyển sang BĐS Đầu tư	(865.508.468)					(865.508.468)
Số dư cuối năm	53.804.953.575	1.459.885.727	1.057.323.636	223.738.551	305.826.000	56.851.727.489
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	17.094.815.701	1.451.148.312	279.015.949	223.738.551	232.555.224	19.281.273.737
Khấu hao trong năm	1.818.941.238	8.065.005	176.220.632	-	38.228.256	2.041.455.131
Chuyển sang BĐS Đầu tư	(320.939.923)					(320.939.923)
Số dư cuối năm	18.592.817.016	1.459.213.317	455.236.581	223.738.551	270.783.480	21.001.788.945
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	35.716.788.777	8.737.415	778.307.687	-	73.270.776	36.577.104.655
Tại ngày cuối năm	35.212.136.559	672.410	602.087.055	-	35.042.520	35.849.938.544

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 26.747.567.428 đồng
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.522.506.831 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm.***5.11 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	244.160.000	244.160.000
Tăng trong năm	-	-
Số dư cuối năm	<u>244.160.000</u>	<u>244.160.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	244.160.000	244.160.000
Khấu hao trong năm	-	-
Số dư cuối năm	<u>244.160.000</u>	<u>244.160.000</u>
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	-	-
Tại ngày cuối năm	<u>-</u>	<u>-</u>

5.12 Bất động sản đầu tư**Bất động sản đầu tư cho thuê**

	Số đầu năm VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Số cuối năm VND
Nguyên giá	4.456.156.362	865.508.468	-	5.321.664.830
Nhà	4.456.156.362	865.508.468	-	5.321.664.830
Giá trị HMLK	869.559.087	320.939.923	-	1.190.499.010
Nhà	869.559.087	320.939.923	-	1.190.499.010
Giá trị còn lại	3.586.597.275	544.568.545	-	4.131.165.820
Nhà	3.586.597.275	544.568.545	-	4.131.165.820

Giá trị còn lại cuối năm của bất động sản đầu tư đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 4.131.165.820 đồng

5.13 Chi phí trả trước

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn		
Chi phí công cụ dụng cụ	54.986.228	44.681.752
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	15.153.510	-
Cộng	<u>70.139.738</u>	<u>44.681.752</u>
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dài hạn		
Chi phí sửa chữa cải tạo	-	196.144.088
Chi phí công cụ, dụng cụ	361.975.042	296.709.286
Thuế GTGT không được khấu trừ	447.120.817	318.151.964
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	5.136.350
Cộng	<u>809.095.859</u>	<u>816.141.688</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm.***5.14 Phải trả người bán**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn				
Công ty CP XD nhà ở Hải Phòng	1.281.972.819	1.281.972.819	1.281.972.819	1.281.972.819
Xí nghiệp XD Thành Công	1.108.904.513	1.108.904.513	1.108.904.513	1.108.904.513
Công ty TNHH Hải Ngọc	1.112.167.150	1.112.167.150	1.112.167.150	1.112.167.150
Công ty CP Xây Lắp và TM Hợp Lực	649.014.603	649.014.603	649.014.603	649.014.603
Đối tượng khác	4.777.521.785	4.777.521.785	5.137.515.748	5.137.515.748
Cộng	8.929.580.870	8.929.580.870	9.289.574.833	9.289.574.833

5.15 Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các tổ chức và cá nhân khác		
Nhận ứng trước tiền thi công xây lắp của UBND thành phố Hà Tĩnh	110.382.166	110.382.166
Công ty Việt Nhật	450.000	450.000
Cộng	110.832.166	110.832.166

5.16 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế Giá trị gia tăng	10.888.926	-	10.888.926	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	34.155.847	195.901.198	224.720.040	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	194.912.807	182.287.607	12.625.200
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	35.828.112	23.581.394	59.409.506	5.337.005
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	10.861.484	10.861.484	-
Cộng	80.872.885	425.256.883	488.167.563	17.962.205

5.17 Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí lãi vay	31.119.233	-
Tiền ăn ca	69.350.000	49.720.000
Thù lao Hội đồng quản trị	-	237.600.000
Phí dịch vụ tư vấn	110.000.000	110.000.000
Chi phí công tác đi nước ngoài	-	719.242.728
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	13.130.036	35.119.233
Cộng	223.599.269	1.151.681.961

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm.***5.18 Phải trả khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	232.482.804	336.451.320
Bảo hiểm xã hội	148.620.988	113.744.595
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.455.000	10.455.000
Cổ tức năm 2011 và năm 2013	17.034.235.140	17.034.235.140
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.956.576.570	4.855.387.431
+ Nhận đặt cọc hoàn thiện DA nhà Vạn Phúc	690.000.000	690.000.000
+ Phải trả hoạt động xuất khẩu lao động	531.835.681	376.685.275
+ Quỹ hỗ trợ xuất khẩu lao động	499.431.994	260.144.279
+ Quỹ tự nguyện cán bộ CNV	484.803.990	91.246.424
+ Công ty CP Khoáng sản Simco - Fansipan	722.635.000	722.635.000
+ Đối tượng khác	2.027.869.905	2.744.676.453
Cộng	22.382.370.502	22.350.273.486
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	936.222.363	993.560.407
Phải trả về vốn hợp tác kinh doanh	64.287.845.933	61.657.281.933
+ Công ty CP Thương mại XNK Hoàng Liên Sơn (1)	21.180.651.528	21.180.651.528
+ Công ty Cổ phần Xuất nhập Khẩu Việt Trang (1)	27.226.630.405	27.226.630.405
+ Công ty CP Đầu tư HaFa (2)	4.000.000.000	4.000.000.000
+ Công ty CP Phát triển nhân lực Simco Sông Đà (2)	6.130.564.000	3.500.000.000
+ Vốn góp hợp tác của cán bộ CNV (3)	5.750.000.000	5.750.000.000
Cộng	65.224.068.296	62.650.842.340
Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
Cổ tức năm 2011 và năm 2013 (4)	17.034.235.140	17.034.235.140
Cộng	17.034.235.140	17.034.235.140

(1) Phải trả về nhận vốn góp hợp tác kinh doanh vào Công ty cổ phần hữu hạn Myanmar Simco Sông Đà (công ty con):

- Các bên tham gia hợp tác đầu tư bao gồm: Công ty Cổ phần Simco Sông Đà, Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Hoàng Liên Sơn và Công ty Cổ phần Xuất nhập Khẩu Việt Trang.
- Các bên tham gia hợp tác kinh doanh đã ký hợp đồng hợp tác đầu tư và cùng nhau góp vốn thực hiện dự án đầu tư khai thác và chế biến đá Marble - mỏ Nayputaung - Bang Rakhine - Myanmar ("Dự án"). Theo đó, các bên sẽ cùng nhau điều hành, tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh và cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro, nếu có của hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần hữu hạn Myanmar Simco Sông Đà (Công ty cổ phần hữu hạn được thành lập để thực hiện Dự án khai thác đá Marble tại Myanmar).
- Kết quả từ hợp đồng hợp tác đầu tư được theo dõi bởi Công ty cổ phần Simco Sông Đà và phân bổ kết quả hoạt động hợp tác kinh doanh cho các bên tham gia hợp tác như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
Vốn góp hợp tác kinh doanh	48.407.281.933	48.407.281.933
Trích lập dự phòng tổn thất đầu tư	(39.051.751.909)	(31.965.076.448)

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm.

- (2) Phải trả về nhận vốn góp hợp tác kinh doanh vào Trường Cao đẳng nghề Simco Sông Đà (đơn vị trực thuộc của Công ty cổ phần Simco Sông Đà):

- Các bên tham gia hợp tác liên danh bao gồm: Công ty cổ phần Simco Sông Đà, Công ty cổ phần đầu tư HaFa và Công ty cổ phần Phát triển Nhân lực Simco Sông Đà.
- Các bên tham gia đã ký hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1403/HĐHTĐ ngày 14/03/2017 và phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 28/11/2018 cùng thực hiện hoạt động đầu tư góp vốn vào Trường Cao đẳng nghề Simco Sông Đà (đơn vị trực thuộc của Công ty cổ phần Simco Sông Đà). Theo đó, các bên sẽ cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro, nếu có của hoạt động kinh doanh của Trường cao đẳng nghề Simco Sông Đà.
- Kết quả từ hợp đồng hợp tác đầu tư được theo dõi bởi Công ty cổ phần Simco Sông Đà và phân bổ kết quả hoạt động hợp tác kinh doanh cho các bên tham gia hợp tác như sau:

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.019.937.072	1.138.542.112
Giá vốn hàng bán	909.214.375	588.757.604
Doanh thu hoạt động tài chính	157.944	92.902
Chi phí tài chính	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.135.181.187	710.780.184
Thu nhập khác	-	10.305.737
Chi phí khác	-	10.188.587
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(24.300.546)	(160.785.624)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(24.300.546)	(160.785.624)

- (3) Phải trả về nhận vốn góp hợp tác kinh doanh vào Công ty cổ phần rượu Việt Nam Thụy Điển (Công ty liên kết của Công ty cổ phần Simco Sông Đà):

- Các bên tham gia hợp tác liên danh bao gồm: Công ty cổ phần Simco Sông Đà và các cán bộ công nhân viên của Công ty.
- Các bên tham gia đã ký hợp đồng hợp tác kinh doanh cùng thực hiện hoạt động đầu tư góp vốn vào Công ty cổ phần rượu Việt Nam Thụy Điển (Công ty liên kết của Công ty cổ phần Simco Sông Đà). Theo đó, các bên sẽ cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro, nếu có của hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần rượu Việt Nam Thụy Điển.
- Kết quả từ hợp đồng hợp tác đầu tư được theo dõi bởi Công ty cổ phần Simco Sông Đà và phân bổ kết quả hoạt động hợp tác kinh doanh cho các bên tham gia hợp tác như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
Vốn góp hợp tác kinh doanh	5.750.000.000	5.750.000.000
Trích lập dự phòng tổn thất đầu tư	(5.750.000.000)	(5.750.000.000)

- (4) Lý do chưa thanh toán nợ quá hạn: Do Công ty đã sử dụng nguồn tiền để thanh toán cổ tức năm 2011 và năm 2013 đầu tư vào dự án khai thác và chế biến đá marble tại Myanmar. Dự án đã hoàn thành đầu tư giai đoạn 1, nhưng gặp nhiều khó khăn về tiêu thụ hàng nên chưa thu hồi được vốn đầu tư giai đoạn 1. Công ty đang nỗ lực tìm kiếm đối tác nhận chuyển nhượng dự án để thu hồi vốn đầu tư nên chưa thu xếp được nguồn tiền để thanh toán cổ tức năm 2011 và năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm.

5.19 Doanh thu chưa thực hiện

	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn		
Phí dịch vụ đào tạo	-	17.572.000
Doanh thu cho thuê văn phòng, cơ sở vật chất	457.857.349	343.281.349
Cộng	457.857.349	360.853.349
Dài hạn		
Doanh thu cho thuê văn phòng	4.081.081.000	3.289.069.000
Cộng	4.081.081.000	3.289.069.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm.***5.20 Vay và nợ thuê tài chính**

		Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
		Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Phát sinh tăng VND	Phát sinh giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Vay ngắn hạn							
Vay ngắn hạn		2.814.447.200	2.814.447.200	6.445.780.700	7.015.175.000	2.245.052.900	2.245.052.900
Ngân hàng BIDV-Chi nhánh Hà Tây	(1)	2.371.447.200	2.371.447.200	3.715.780.700	4.285.175.000	1.802.052.900	1.802.052.900
Nguyễn Thị Minh Thu		-	-	630.000.000	630.000.000	-	-
Nguyễn Xuân Chính		-	-	1.100.000.000	1.100.000.000	-	-
Nguyễn Thị Thủy		-	-	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-
Nguyễn Thế Lâm	(2)	443.000.000	443.000.000	-	-	443.000.000	443.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	(3)	2.380.210.200	2.380.210.200	2.524.300	2.134.127.100	248.607.400	248.607.400
Cộng		5.194.657.400	5.194.657.400	6.448.305.000	9.149.302.100	2.493.660.300	2.493.660.300

b, Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Gốc VND	Lãi VND	Tổng cộng VND	Gốc VND	Lãi VND	Tổng cộng VND
Nợ dài hạn	248.607.400	-	248.607.400	-	-	-
Cộng	248.607.400	-	248.607.400	-	-	-

- (1) Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 01/2016/178138/HĐTD ngày 30/6/2016; hạn mức tín dụng 3.500.000.000 đồng; mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; lãi suất vay: được xác định theo từng lần nhận nợ cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng; tài sản đảm bảo tiền vay là tòa nhà SIMCO Sông Đà.
- (2) Các hợp đồng vay cá nhân có thời hạn từ 06 tháng đến 01 năm với lãi suất từ 0%/năm – 4%/năm.
- (3) Bao gồm các khoản vay cá nhân theo Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 36 tháng; Lãi suất bằng lãi suất huy động tiền gửi có kỳ hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam tại thời điểm gửi. Tiền lãi được trả 6 tháng 1 lần và ngày cuối cùng của tháng thứ 6. Khi đến hạn trả lãi, sau 7 ngày làm việc kể từ ngày cuối cùng của tháng thứ 6 bên cho vay không đến nhận lãi thì Công ty sẽ nhập lãi vào gốc để tính cho kỳ hạn tiếp theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm.

5.21 Vốn chủ sở hữu ("CSH")**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	262.061.580.000	(1.682.000)	1.231.903.807	12.189.307.432	275.481.109.239
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	735.991.328	735.991.328
Giảm khác	-	-	-	(183.294.571)	(183.294.571)
Số dư cuối năm trước/đầu năm nay	262.061.580.000	(1.682.000)	1.231.903.807	12.742.004.189	276.033.805.996
Lỗ trong năm nay	-	-	-	(12.826.459.075)	(12.826.459.075)
Giảm khác	-	-	-	(188.635.190)	(188.635.190)
Số dư cuối năm nay	262.061.580.000	(1.682.000)	1.231.903.807	(273.090.076)	263.018.711.731

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm.***Chi tiết vốn góp của cổ đông****Cổ đông**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị vốn góp	Tỷ lệ	Giá trị vốn góp	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Nguyễn Sĩ Hiền	6.467.220.000	2,47%	6.467.220.000	2,47%
Nguyễn Thị Minh Thu	4.863.000.000	1,86%	4.863.000.000	1,86%
Cổ đông khác	250.729.680.000	95,669%	250.729.680.000	95,669%
Cổ phiếu quỹ	1.680.000	0,001%	1.680.000	0,001%
Tổng cộng	262.061.580.000	100%	262.061.580.000	100%

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	262.061.580.000	262.061.580.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	262.061.580.000	262.061.580.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	-	-

c) Cổ Phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.206.158	26.206.158
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	26.206.158	26.206.158
- Cổ phiếu phổ thông	26.206.158	26.206.158
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	168	168
- Cổ phiếu phổ thông	168	168
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	26.205.990	26.205.990
- Cổ phiếu phổ thông	26.205.990	26.205.990
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu.

d) Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: không phát sinh
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: không phát sinh
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không phát sinh
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không phát sinh

5.22 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**Ngoại tệ các loại****Tiền mặt**

	Số cuối năm	Số đầu năm
USD	97,00	97,00
JPY	719.543,00	143,00
MMK	645.200,00	645.200,00

Tiền gửi ngân hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
USD	453,80	540,68
JPY	6.499.954,00	136.929,00

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm.***6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG****6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	-	2.160.136.364
Doanh thu cung cấp dịch vụ	42.380.069.578	35.545.525.761
+ Doanh thu xuất khẩu lao động	36.650.529.338	30.794.77.111
+ Doanh thu dịch vụ khác	5.729.540.240	4.751.448.650
Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	-
Cộng	42.380.069.578	37.705.662.125

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	159.182.772	166.101.736
Cộng	159.182.772	166.101.736

6.3 Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	-	46.500.000
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	27.121.320.521	23.440.064.401
+ Giá vốn dịch vụ xuất khẩu lao động	24.461.521.572	21.719.625.644
+ Giá vốn dịch vụ khác	2.659.798.949	1.720.438.757
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng	27.121.320.521	23.486.564.401

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, cho vay	548.164.584	502.419.401
Lãi bán các khoản đầu tư	-	650.000.000
Cổ tức được chia	-	150.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	41.684.682	865.000
Cộng	589.849.266	1.303.284.401

6.5 Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	204.128.198	353.109.512
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư	158.806.155	1.800.975.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	14.024.304
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán và các khoản đầu tư	(458.872.036)	(2.118.000.000)
Dự phòng tổn thất đầu tư	14.445.175.071	3.682.296.664
Chi phí tài chính khác	91.021.091	1.356.000
Cộng	14.440.258.079	3.733.761.480

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm.***6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.580.838.659	6.969.424.081
Chi phí dự phòng	4.806.900.000	168.000.000
Các khoản chi phí QLDN khác	2.668.467.270	3.583.645.318
Cộng	14.056.205.929	10.721.069.399

6.7 Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Phạt vi phạm hợp đồng	9.692.769	-
Thu nhập khác	-	2.389.964
Cộng	9.692.769	2.389.964

6.8 Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Các khoản bị phạt	21.837.379	47.199.659
Cộng	21.837.379	47.199.659

6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	7.266.008	120.648.487
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.266.008	120.648.487

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 "Lãi cơ bản trên cổ phiếu", Công ty đồng thời lập cả báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên báo cáo tài chính hợp nhất, mà không trình bày trên Báo cáo tài chính riêng.

6.11 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	442.523.311	726.801.245
Chi phí nhân công	18.034.438.735	18.561.745.867
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.041.455.131	2.067.946.681
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.916.194.754	11.223.570.288
Chi phí khác	3.312.557.306	6.217.510.495
Cộng	36.747.169.237	38.797.574.576

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm.***7. CÁC THÔNG TIN KHÁC****7.1 Thông tin về các bên liên quan****Thông tin về các bên liên quan**

Công ty / đối tượng	Mối Quan hệ
Công ty Cổ phần Hạ tầng Simco Sông Đà	Công ty con
Công ty Cổ phần hữu hạn Myanmar - Simco Sông Đà	Công ty con
Công ty CP Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà	Công ty liên kết
Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết
Công ty CP Khoáng sản SIMCO - FANSIPAN	Bên nhận đầu tư
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát	Quản lý chủ chốt

Giao dịch trọng yếu với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch trọng yếu với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	1.944.480.400	2.609.300.100

Giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan khác

	Nội dung giao dịch	Năm nay	Năm trước
		VND	VND
Bà Nguyễn Thị Minh Thu	Vay ngắn hạn	630.000.000	1.100.000.00
Công ty CP Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà	Cho thuê văn phòng	267.363.789	269.721.396
Công ty CP Hạ tầng Simco Sông Đà	Cho vay ngắn hạn	-	322.000.000
Công ty cổ phần hữu hạn Myanmar - Simco Sông Đà	Trả hộ phí bảo lãnh hợp đồng cho BIDV	61.212.899	-

Số dư phải thu/ (phải trả) với các bên có liên quan như sau:

	Số đầu năm	Số cuối năm
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		
Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy điển	1.976.354.222	1.976.354.222
Công ty CP Tự động hóa và Công nghệ TT Sông Đà	376.330.346	258.674.388
Phải thu về cho vay ngắn hạn		
Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy điển	5.006.330.196	5.006.330.196
Công ty CP Hạ tầng Simco Sông Đà	322.000.000	322.000.000
Phải thu ngắn hạn khác		
Công ty CP Hạ tầng Simco Sông Đà	15.000.000	15.000.000
Công ty CPHH Myanmar - Simco Sông Đà	468.176.029	406.963.130
Phải trả ngắn hạn khác		
Công ty CP Khoáng sản SIMCO - FANSIPAN	722.635.000	722.635.000
Công ty CP Hạ tầng Simco Sông Đà	15.000.000	15.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm.***7.2 Thông tin so sánh**

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành. Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với việc trình bày Báo cáo tài chính, chi tiết như sau:

Bảng cân đối kế toán riêng	Mã số	Đầu năm (đã điều chỉnh)	Đầu năm	Chênh lệch
		VND	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khác	138	44.370.010.160	38.307.823.924	6.062.186.236
Tài sản cố định hữu hình	221	36.577.104.655	40.163.701.930	(3.586.597.275)
- Nguyên giá	222	55.858.378.392	60.314.534.754	(4.456.156.362)
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(19.281.273.737)	(20.150.832.824)	869.559.087
Bất động sản đầu tư	230	3.586.597.275	-	3.586.597.275
- Nguyên giá	231	4.456.156.362	-	4.456.156.362
- Giá trị hao mòn lũy kế	232	(869.559.087)	-	(869.559.087)
Dự phòng ĐTTT dài hạn	254	(101.732.585.129)	(95.647.889.946)	(6.084.695.183)
Lợi nhuận chưa phân phối	421	12.742.121.339	12.764.513.136	(22.508.947)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	Mã số (*)	Năm trước (đã điều chỉnh)	Năm trước	Chênh lệch
		VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	37.705.662.125	38.087.324.518	(381.662.393)
Giá vốn hàng bán	11	23.486.564.401	23.368.591.672	117.972.729
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	14.052.995.988	14.552.631.110	(499.635.122)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.303.284.401	1.303.377.303	(92.902)
Chi phí quản lý DN	26	10.721.069.399	11.381.700.197	(660.630.798)
Thu nhập khác	31	2.389.964	12.695.701	(10.305.737)
Chi phí khác	32	47.199.659	57.388.246	(10.188.587)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	856.639.815	695.854.191	160.785.624
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	735.991.328	575.205.704	160.785.624

(*) Các chỉ tiêu được trình bày lại tại cột Năm trước trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng là giá trị doanh thu, các chi phí tương ứng trong năm 2017 và lợi nhuận sau thuế TNDN phân bổ cho các bên tham gia liên danh theo hợp đồng góp vốn hợp tác kinh doanh Xem chi tiết tại thuyết minh 5.18b.


MAI THÙY LINH
 Người lập biểu


PHẠM THỊ HIẾU
 Kế toán trưởng


NGUYỄN NGỌC QUYỀN
 Tổng Giám đốc
 TP. Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2019

